

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **07/2022/DSST**

Ngày 25/01/2022

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Phan Thị Nhung**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Nguyễn Phước Lộc**

**Bà Nguyễn Thị Thu Ba**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Hồng Hà**, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc tham gia phiên tòa:** Ông **Hoàng Văn Thái** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố PQ, xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 201/2021/TLST- DS ngày 22 tháng 6 năm 2021 về vụ án: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2021/QĐXX-DS ngày 15/12/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2022/QĐST-DS, ngày 07/01/2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Ánh T**, sinh năm 1962.

Địa chỉ ĐKTT: Khu phố B, phường D, thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang. Chỗ ở: Tổ 10, Khu phố A, phường D, thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang.

**- Bị đơn:** Bà **Trần Thị L**, sinh năm 1964. Địa chỉ: ấp K, xã CD, thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang.

(Các đương sự đều có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Ánh T trình bày:***

Do có mối quan hệ thân thiết, bà Trần Thị L là chị chồng của bà T, bà L thứ 8, còn chồng bà T là em trai thứ 9 trong gia đình, nên bà T tin tưởng có cho bà L vay mượn nhiều lần từ năm 2019 với tổng số tiền là 1.200.000.0000 đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng), việc vay mượn tiền chỉ có một mình bà và bà L tham gia,

không có ai khác tham gia, mục đích vay tiền của bà L là để làm ăn và cho người khác vay lại kiếm tiền lời. Bà T chỉ nhớ cụ thể thời gian bà L mượn tổng cộng số tiền gốc là 700.000.000 đồng chia thành nhiều đợt như sau:

- Ngày 16/02/2019 (Âm lịch) – Tương đương ngày 21/3/2019 (Dương lịch) bà L mượn số tiền 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng);
- Ngày 26/3/2019 (Âm lịch) – Tương đương ngày 30/4/2019 (Dương lịch) bà L mượn số tiền 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng);
- Ngày 13/5/2019 (Âm lịch) – Tương đương ngày 15/6/2019 (Dương lịch) bà L mượn số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng);
- Ngày 16/5/2019 (Âm lịch) – Tương đương ngày 18/6/2019 (Dương lịch) bà L mượn số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng);
- Ngày 20/9/2019 (Âm lịch) – Tương đương ngày 18/10/2019 bà L mượn số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Riêng số tiền gốc 500.000.000 đồng, bà T không xác định được thời gian cụ thể cho bà L mượn.

Tuy nhiên, đến ngày 16/10/2019 (Âm lịch) – Tương đương ngày 12/11/2019 (Dương lịch), bà L có ghi biên nhận xác nhận việc vay mượn tiền của bà T và bà L ký, ghi họ tên vào tờ giấy tập viết tay với nội dung: “*Ngày 16/10/2019 (Âm lịch) chị tám có mượn một tỷ hai trăm triệu đồng*” – Bút lục số 04. Như vậy, tổng số tiền mà bà L vay của bà T là 1.200.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng), hai bên không xác định thời gian cụ thể vay, do cho vay nhiều lần và từng đợt, nhưng có thỏa thuận lãi suất riêng bên ngoài, mỗi lần bà L đóng tiền lãi cho bà T là đúng với mức lãi khác nhau, do số tiền bà L vay thành nhiều lần nên có sự thay đổi về tiền lãi, nên bà không nhớ chính xác bà L đã đóng được bao nhiêu tiền lãi cho bà, chỉ nhớ đến ngày 13/01/2020 (Âm lịch) – Ngày 06/02/2020 (Dương lịch) thì bà L ngưng đóng tiền lãi cho bà.

Quá trình vay tiền bà L đã trả được cho bà tiền gốc là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng), đến ngày 13/01/2020 (Âm lịch) thì bà L ngưng đóng tiền lãi và trả tiền gốc cho bà. Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị L phải trả số tiền gốc còn nợ là 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng) và trả lãi từ ngày 30/01/2020 (âm lịch) đối với số nợ gốc 700.000.000 đồng, với mức lãi suất là 1,125%/tháng, tạm tính tiền lãi đến ngày 30/3/2021 (âm lịch) tương đương ngày 17/5/2021 (dương lịch) là 118.125.000 đồng (Một trăm mười tám triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án (ngày 30/12/2021 và tại phiên tòa, bà Nguyễn Ánh T xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, đó là không yêu cầu tính lãi, chỉ yêu cầu bà Trần Thị L có nghĩa vụ trả cho bà số tiền gốc còn nợ là 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng).

***Bị đơn bà Trần Thị L trình bày:***

Bà xác nhận giữa bà và bà Nguyễn Ánh T có mối quan hệ thân thiết, do bà

là chị chồng của bà T (chồng bà T thứ 9), còn bà L là chị thứ 8 trong gia đình, nên bà có hỏi vay tiền của bà T nhiều lần, việc vay mượn tiền bắt đầu từ khoảng 07 năm về trước (khoảng năm 2014) nhưng không nhớ chính xác từng thời gian cụ thể. Đến năm 2019, bà xác định bà có vay và còn nợ tiền gốc của bà T là 1.200.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng), việc đóng tiền lãi và trả tiền gốc mỗi lần cho bà T, bà T có ghi vào một tờ giấy lịch đưa cho bà. Bà xác định đến cuối năm 2019 bà đã trả được cho bà T số tiền gốc 200.000.000 đồng và đầu năm 2020 bà trả được thêm 300.000.000 đồng tiền gốc cho bà T, tổng cộng đã trả được tiền gốc 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng), chỉ còn nợ lại số tiền gốc là 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng) đúng như bà T trình bày.

Việc vay tiền hai bên có thỏa thuận lãi suất nhưng bà không nhớ chính xác đã đóng được bao nhiêu tiền lãi, vì mỗi lần đóng tiền lãi xong coi như xong, lãi suất hai bên thỏa thuận cũng thường thay đổi, nên bà không yêu cầu tính lại tiền lãi đã đóng trong thời gian vay tiền của bà T.

Nay bà đồng ý trả số tiền gốc là 700.000.000 (Bảy trăm triệu) đồng cho bà T. Tuy nhiên, do hoàn cảnh đang khó khăn, chưa có tiền trả liền cho bà T, nên bà xin khi nào bán được đất tại ấp K, xã CD, thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang thì bà sẽ trả tiền cho bà T.

Tại phiên tòa, bà L giữ nguyên ý kiến trình bày: Bà đồng ý trả nợ gốc 700.000.000 đồng còn nợ của bà T nhưng xin được trả dần số nợ này mỗi tháng 3.000.000 đồng, khi nào bà bán đất được thì bà trả cho bà T nhiều tiền hơn.

Tại phiên tòa, bà T không đồng ý với ý kiến xin trả dần của bà L, yêu cầu bà L phải trả đủ cho bà số tiền 700.000.000 đồng nợ gốc.

**Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký về cơ bản là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Thẩm phán còn vi phạm thời gian thụ lý vụ án và thời hạn chuẩn bị xét xử, nên cần rút kinh nghiệm.

Về những người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành quyền và nghĩa vụ của mình theo Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, các đương sự đã chấp hành đúng nội quy phiên tòa theo Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ánh T là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự đều thống nhất về số tiền nợ gốc bà L còn nợ bà T là 700.000.000 đồng. Bà L xin được trả dần số tiền này cho bà T nhưng không được bà T chấp nhận nên không có cơ sở chấp nhận ý kiến của bà L. Về tiền lãi của số tiền vay 1.200.000.000 đồng, các bên tự thỏa thuận và đã thực hiện xong trong quá trình vay tiền, các đương sự đều không nhớ chính xác về số tiền lãi cũng như thời

gian đóng lãi và đều không yêu cầu tòa án xem xét lại. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn xin rút lại yêu cầu khởi kiện về phần lãi đối với bị đơn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ánh T, buộc bị đơn bà Trần Thị L phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc còn nợ là 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng) là phù hợp với Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015. Đồng thời, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về phần lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

Về thẩm quyền giải quyết của tòa án: Bị đơn là bà Trần Thị L có nơi cư trú tại địa bàn thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. Vì vậy, căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: nguyên đơn bà Nguyễn Ánh T khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Trần Thị L phải trả cho bà T số tiền vay gốc là 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng) và lãi suất là 118.125.000 đồng, nên quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Ánh T xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối yêu cầu tính lãi. Xét thấy, việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu tính lãi.

#### **[2] Về nội dung:**

Bà Nguyễn Ánh T và bà Trần Thị L đều thống nhất xác nhận, do cả hai có mối quan hệ thân thiết (bà T là em dâu, bà L là chị chồng bà T), nên vào năm 2019 bà T có cho bà L vay tiền thành nhiều lần, tổng cộng bà T đã cho bà L vay số tiền gốc là 1.200.000.000 đồng (một tỷ hai trăm triệu đồng), việc cho vay mượn tiền chỉ có bà T và bà L biết với nhau, bà L có viết biên nhận và ký tên về việc mượn số tiền 1.200.000.000 đồng vào ngày 16/10/2019 (âm lịch) để làm tin. Hai bên không xác định được thời hạn cho vay là trong bao lâu và lãi suất cụ thể như thế nào, do việc cho vay đưa tiền thành nhiều đợt và việc thỏa thuận lãi suất không rõ ràng, thanh toán theo từng đợt, các bên không nhớ chính xác thời gian cụ thể đóng lãi như thế nào, chỉ biết mỗi lần đóng lãi theo thỏa thuận xem như đã thực hiện xong. Về thời gian bà L ngưng đóng lãi theo bà T xác nhận là từ ngày 13/01/2020 (âm lịch) tương đương ngày 06/02/2020 (dương lịch). Còn bà L không xác định được thời gian bà ngưng đóng lãi từ thời gian nào. Do đó, đây là hợp đồng vay tài

sản không kỳ hạn và có thỏa thuận lãi suất được quy định tại Khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015.

Như vậy, vào năm 2019 bà T có cho bà L vay số tiền gốc tổng cộng là 1.200.000.000 đồng, đến đầu năm 2020 thì bà L đã trả được cho bà T số tiền gốc là 500.000.000 đồng, nên chỉ còn nợ lại số tiền gốc 700.000.000 đồng, đây được xem là những tình tiết, sự kiện có thật, được hai bên thừa nhận và thống nhất, nên không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bà T giữ nguyên yêu cầu một mình bị đơn bà Trần Thị L phải có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền gốc 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi. Bị đơn bà Trần Thị L đồng ý trả cho bà T số tiền gốc 700.000.000 đồng và không yêu cầu Tòa án xem xét lại số tiền lãi đã đóng xong trong thời gian vay tiền, nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên xin được trả dần số tiền gốc 700.000.000 đồng cho bà T, mỗi tháng xin được trả 3.000.000 đồng. Tuy nhiên, yêu cầu xin trả dần của bà L không được bà T đồng ý, nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố PQ, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ánh T, buộc bị đơn bà Trần Thị L phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Ánh T số tiền nợ gốc 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng) là phù hợp với Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu tính lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Ánh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận. Bị đơn bà Trần Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được tòa án chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 6, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 463, 466, Khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ánh T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn bà Trần Thị L.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ánh T

đối với yêu cầu tính lãi.

3. Buộc bị đơn bà Trần Thị L phải trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Ánh T số tiền 700.000.000 đồng (*Bảy trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí sơ thẩm:

- Buộc bị đơn bà Trần Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 36.000.000 đồng (*Ba mươi sáu triệu đồng*).

- Hoàn trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Ánh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.272.000 đồng (Mười tám triệu hai trăm bảy mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004352, ngày 05/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. PQ;
- CC. THADS TP. PQ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Thị Nhung**